

Bản án số: 77/2017/HSST
Ngày: 01/8/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Hồng Hạnh
2. Bà Lê Thị Thận.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lương Văn Tình - Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện B tỉnh BP.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh BP tham gia phiên tòa:
Bà Mai Thị Thanh Tâm.

Trong các ngày 26 tháng 7 và 01 tháng 8 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh BP, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 56/2017/TLST- HS ngày 31/5/2017, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Huỳnh Văn G**, sinh năm 1994; tên thường gọi: (L).

Nơi cư trú: Ấp ĐA, xã PT, huyện B, tỉnh BP; Số chứng minh thư nhân dân 285468017; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; con ông Huỳnh Văn H và bà Cao Thị Thu T; tiền án: Ngày 22/5/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Đắk G, tỉnh ĐN xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự (Bản án số 26/2015/HSST); ngày 10/6/2015 bị Tòa án nhân dân thị xã PL, tỉnh BP xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự (Bản án số 25/2015/HSST); tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 10/4/2017 cho đến nay.(Có mặt).

- Người bị hại: Nguyễn Vũ L; Sinh năm 1993.

Nơi cư trú: Thôn PL, xã Phước Tín, huyện PL, tỉnh BP.(Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Vũ Thị Thanh Th; Sinh năm 1966.(Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh BP.

2. Trần Ngọc TH; Sinh năm 1994.(Vắng mặt).

HKTT: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh BP Hiện đang chấp hành án tại đội 11, phân trại số 01, trại giam PH, tỉnh BD.(Vắng mặt).

3. Cao Thị Thu T, sinh năm 1967.(Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp ĐA, xã PT, huyện B, tỉnh BP.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Huỳnh Văn G bị Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh BP truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 05 giờ ngày 08/11/2016, Trần Ngọc TH điều khiển xe mô tô của Huỳnh Văn G chở G đi từ xã Đ ra hướng xã BB với mục đích đi tìm xe mô tô để chiếm đoạt. Sau đó cả hai quay về thôn T, xã Đ để ăn sáng. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, TH chở G đến khu vực thôn T, xã Đ thì phát hiện ngoài sân nhà chị Nguyễn Thị Dung có dựng 01 xe mô tô biển số 93K1-143.73 của anh Nguyễn Vũ L. Quan sát thấy không có người trông coi, TH nói G vào lấy xe, còn TH ngồi trên xe ở ngoài cảnh giới. G đi đến thấy xe có cắm sẵn chìa khóa liền khởi động nổ máy xe Mô tô biển số 93K1-143.73 chạy vào hướng thôn Đăk Xuyên. TH chạy xe theo sau. Trên đường đi, TH sử dụng điện thoại của mình gọi điện cho Phạm Quang Tr để gửi xe, rồi TH và G điều khiển xe mô tô vừa chiếm đoạt được qua huyện B để tiêu thụ. Khi đến khu vực ngã ba TH, huyện B, G nói TH vào quán cà phê ngồi đợi, còn G đi tìm chỗ bán xe. Khoảng hai tiếng sau, G quay lại rồi đưa cho TH số tiền 3.000.000đ. Sau đó, G và TH đón xe taxi về xã Đ. Khi về đến xã Đ, TH và G vào quán “Valentin” rồi TH điện thoại cho Tr mang xe TH gửi lên rồi G chở TH và Tr về nhà, sau đó G lấy xe đi.

Tại kết luận định giá tài sản số 111 ngày 17/11/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận xe Mô tô biển số 93K1-143.73 có giá trị là 16.600.000đ (BL 88).

Vật chứng vụ án: Xe mô tô BS: 93K1-143.73 của bị hại Nguyễn Vũ L hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B chưa thu hồi được.

- Xe Mô tô biển số 93K1 ngày 143.29 là phương tiện Trần Ngọc TH và Huỳnh Văn G sử dụng làm phương tiện phạm tội là tài sản hợp pháp của bà Cao Thị Thuy T, việc G sử dụng làm phương tiện phạm tội bà T không biết. Quá trình lần trốn Huỳnh Văn G đã bán xe cho một người đàn ông tại BD không rõ nhân thân lai lịch, bà T không nên không đề cập xử lý.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, loại 1110 và số tiền 3.000.000đ đã được xử lý tại Bản án số 26/2017/HSST ngày 10/3/2017.

- Về bồi thường thiệt hại: Đã được xử lý tại Bản án số 26/2017/HSST ngày 10/3/2017.

Tại bản cáo trạng số: 58/CTr – VKS ngày 31/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Huỳnh Văn G về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Văn G khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã truy tố; Trong phần luận tội đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất vụ án, chứng minh hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn G phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 138; điểm b, p Khoản 1 Điều

46; điểm g Khoản 1 Điều 48; các điều 20, 33, 53 của Bộ luật Hình sự, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Huỳnh Văn G từ 15 đến 18 tháng tù.

Bị cáo G không có ý kiến gì tranh luận với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện B, Viện kiểm sát nhân dân huyện B trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa bị cáo Huỳnh Văn G khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; Lời khai nhận của bị cáo đúng như nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố; Phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở kết luận: Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng do lười lao động, muốn có tiền tiêu xài nên đã phạm tội; bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội, cụ thể như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 08/11/2016, lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của anh Nguyễn Vũ L, bị cáo Huỳnh Văn G cùng Trần Ngọc TH đã lén lút chiếm đoạt của anh G 01 xe Mô tô biển số 93K1 – 143.73, trị giá 16.600.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Trần Ngọc TH đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Điều 138 Bộ luật hình sự qui định: *“Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 500 nghìn đồng đến dưới 50 triệu đồng hoặc dưới 500.000 đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm”*. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tình tiết tăng nặng: Bản thân bị cáo có 02 tiền án, ngày 09/9/2014 bị cáo trộm cắp tài sản bị Tòa án nhân dân huyện Đắk G, tỉnh ĐN xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 26/2015/HSST ngày 22/5/2015; ngày 26/01/2015 bị cáo tiếp tục trộm cắp tài sản bị Tòa án nhân dân thị xã PL, tỉnh BP xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 25/2015/HSST ngày 10/6/2015. Do hành vi phạm tội lần thứ hai (ngày 26/01/2015) thực hiện trước ngày bị cáo bị xét xử về hành vi phạm tội lần thứ nhất (ngày 22/5/2015) nên hành vi phạm tội lần này (lần thứ ba) của bị cáo chỉ tính là tái phạm theo qui định tại điểm

g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, cần xử bị cáo mức án nghiêm khắc để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại khắc phục hậu quả cho người bị hại nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ qui định tại các điểm b, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh và hình phạt phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận;

[5] Về vật chứng vụ án: 01 xe Mô tô BS: 93K1-143.73 của bị hại Nguyễn Vũ L hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B chưa thu hồi được; 01 xe Mô tô biển số 93K1-143.29 là phương tiện Trần Ngọc TH và Huỳnh Văn G sử dụng làm phương tiện phạm tội, nhưng là tài sản hợp pháp của bà Cao Thị Thu T, các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội bà T không biết. Quá trình lẫn trốn Huỳnh Văn G đã bán xe cho một người đàn ông tại BD không rõ nhân thân lai lịch. Hiện bà T không có ý kiến, yêu cầu gì nên không đề cập xử lý; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen loại 1110 và số tiền 3.000.000đ bị can TH giao nộp đã được xử lý tại Bản án số 26/2017/HSST ngày 10/32017 nên không đề cập xử lý.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Đã được xử lý tại Bản án số 26/2017/HSST ngày 10/32017 ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo Trần Ngọc TH bồi thường cho người bị hại Nguyễn Vũ L toàn bộ số tiền 16.600.000 đồng. Quá trình điều tra vụ án này bị cáo Huỳnh Văn G và gia đình đã tự nguyện bồi thường cho Nguyễn Vũ L số tiền 5.000.000đ để khắc phục hậu quả. Vì vậy, Trần Ngọc TH yêu cầu bị cáo Huỳnh Văn G hoàn trả lại cho TH 3.300.000đ để TH tiếp tục bồi thường cho anh L số tiền còn lại.

[7] Ý kiến của bị cáo: Bị cáo không có ý kiến về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát truy tố, đề nghị tại phiên tòa; bị cáo đồng ý hoàn trả cho Trần Ngọc TH 3.300.000đ theo yêu cầu. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo theo yêu cầu của Trần Ngọc TH, không ảnh hưởng đến quyền lợi của bị hại Nguyễn Vũ L nên cần ghi nhận theo qui định tại các điều 275, 280, 589 Bộ luật dân sự.

[8] Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cao Thị Thu T: Việc bà cùng bị cáo G bồi thường thiệt hại cho anh L là tự nguyện, bà không tranh chấp gì số tiền bồi thường này.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết sai, ăn năn hối hận và xin giảm nhẹ hình phạt.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm theo luật định; Đối với khoản tiền bị cáo có nghĩa vụ hoàn trả cho Trần Ngọc TH đã chịu án phí theo Bản án số 26/2017/HSST ngày 10/32017 nên bị cáo không phải nộp án phí về khoản tiền này.

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn G phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p Khoản 1 Điều 46; điểm g Khoản 1 Điều 48; Các điều 20, 53, 33 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Huỳnh Văn G 16 (mười sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/4/2017.

[2] Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ các điều 275, 280, 589 Bộ luật dân sự; ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa Trần Ngọc TH với bị cáo Huỳnh Văn G; bị cáo Huỳnh Văn G có nghĩa vụ hoàn trả cho Trần Ngọc TH số tiền 3.300.000đ (Ba triệu, ba trăm nghìn đồng).

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Buộc bị cáo Huỳnh Văn G nộp 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BP;
- Sở TP tỉnh BP;
- Công an tỉnh BP;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Văn Huệ

